

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2024/HC-PT
Ngày: 29-5-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương
Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười
Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2023, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1878/2022/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1427/2024/QĐXXPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn L.

Địa chỉ: Số F Đường số C, Khu phố E, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân Thành phố T

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T

Địa chỉ: A T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố T: Ông Hoàng T - Chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T:

1. Ông Phạm Hoàng Anh T1 (có mặt).

2. Ông Trần Cảnh P (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Hoàng S (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày:

Năm 2012, ông Nguyễn Văn L bị thu hồi giải tỏa toàn bộ diện tích nhà đất tại địa chỉ số B tổ A, Khu phố A, phường B, Quận B, để thực hiện dự án quy hoạch xây dựng Khu Đô thị M và các khu phục vụ tái định cư tại Quận B. Giấy tờ thể hiện quyền sử dụng đất là: Tờ kê khai đăng ký nhà đất ngày 15/7/1999, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B.

Ngày 12/6/2012, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 7925/QĐ-UBND về bồi thường cả phần diện tích nhà đất 27Bis trên của ông Nguyễn Văn L cho ông Nguyễn Văn Đ.

Sau khi nhận được quyết định trên, ông Nguyễn Văn Đ là đại diện thừa kế ông Nguyễn Văn Đ đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B.

Ngày 16/6/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND-TTr về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ1, có nội dung: “Sửa Quyết định số 7925/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân Quận B”.

Không đồng ý Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tái định cư số 7925/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2630/QĐ-UBND-TTr ngày 16/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B; ông Nguyễn Văn Đ1 (đại diện các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ) khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 2.

Ngày 26/02/2016, Tòa án nhân dân Quận 2 ban hành Bản án số 07/2016/HCST xử: Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn L. Hủy Quyết định số 7925/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân Quận B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2630/QĐ-UBND-TTr ngày 16/6/2014

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B.

Ngày 30/01/2018, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông Nguyễn Văn L, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là 114.005.600 đồng (Đính kèm Bảng chiết tính điều chỉnh số 821/BA-ĐC ngày 30/11/2017).

Ông Nguyễn Văn L không đồng ý với Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 nên tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B.

Ngày 22/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định 1218/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, cụ thể: Điều 1: Sửa đổi một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B. Điều 2: Công nhận phần tường rào phía sau và bên hông dài 123,45m² (29,68m x 3m) + (4,68m x 3m) có thời điểm xây dựng từ năm 1991. Không công nhận việc ông L yêu cầu bồi thường công trình xây dựng diện tích thuộc ô số 1, 4, 9; phần tường rào gắn cổng và hỗ trợ tiền tạm cư (thuê nhà từ khi giao mặt bằng đến nay).

Ngày 06/6/2019, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 2004/QĐ-UBND về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B: Tổng giá trị bồi thường và hỗ trợ thiệt hại là 127.832.000 đồng (Đính kèm Bảng chiết tính điều chỉnh số 821/BA-ĐC ngày 03/5/2019).

Ông Nguyễn Văn L vẫn không thống nhất và tiếp tục khiếu nại Quyết định 1218/QĐ-UBND –TTr đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 22/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3786/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, có nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định 1218/QĐ-UBND –TTr ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B.

Nay ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định hành chính sau:

Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L;

Quyết định số: 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L;

Quyết định số: 3786/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L;

Quyết định số: 2004/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T).

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày:

Cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 06/9/2019:

Về nguồn gốc đất: Nhà đất số B B, tổ A, Khu phố A, phường B, Quận B diện tích 237,35m² do ông L sử dụng có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Đ (cha ông L) chiếm dụng đất công và sử dụng vào năm 1991. Năm 1992, ông Nguyễn Văn Đ xây dựng để ở và kinh doanh. Khoảng năm 1995, ông Nguyễn Văn Đ cho lại ông Nguyễn Văn L toàn bộ phần nhà đất nêu trên.

Về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn L: Yêu cầu được bồi thường diện tích công trình xây dựng tại ô số 1, 4, 9 và phần tường rào phía trước, phía sau và bên hông giáp với Đội Hành chính Công an Q (cũ) theo bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 28/9/2017. Hỗ trợ tiền tạm cư (Thuê nhà từ khi giao mặt bằng đến nay).

Theo Giấy xác nhận số 142/UBND-XN ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường B đối với quá trình sử dụng nhà đất số B B, Tổ A, Khu phố A, phường B, Quận B diện tích 237,35 m² do ông Nguyễn Văn L sử dụng có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Đ chiếm dụng đất công (thuộc hướng Nam giáp ranh Đội cảnh sát quản lý hành chính thuộc Công an Q) và sử dụng vào năm 1991. Năm 1992, ông Đ xây dựng để ở và kinh doanh. Khoảng năm 1995, ông Nguyễn Văn Đ cho lại con là ông Nguyễn Văn L toàn bộ phần nhà đất nêu trên.

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 lập ngày 28/9/2017 được Ủy ban nhân dân phường B kiểm tra ngày 24/11/2017, thể hiện: Phần diện tích đất 7,16 m²/237,35m² là phần đất thuộc hẻm (theo Tài liệu Bản đồ địa chính 2002).

- Về thời điểm xây dựng: Diện tích 39,69m² (thuộc một phần ô số 2 (18m²), ô số 3 và số 5) tạo lập 1992. Đến năm 2008, xây dựng lại và Ủy ban nhân dân phường B ký Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực xây dựng. Diện tích 40,2m² (ô số 6,7,8 và 10 xây dựng sau 2002). Diện tích 102,75m² (một phần ô số 2) xây dựng năm 2008 và Ủy ban nhân dân phường B xử phạt vi phạm trong lĩnh vực xây dựng tại Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 05/9/2008.

Như vậy theo giấy xác nhận pháp lý trên của Ủy ban nhân dân phường B chưa thể hiện thời điểm xây dựng sân: nền gạch tàu thuộc ô số 1, 4, 9 diện tích 62,93m² (trong đó 7,16 m² diện tích hẻm).

Theo kê khai 3376/QĐ-UB năm 1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Quận B xác định công trình xây dựng tại ô số 01 thể hiện là sân vườn, theo hiện trạng của Bản vẽ bồi thường lập ngày 28/9/2017 là sân nền gạch tàu 42,59m². Đối với ô số 4 và ô số 9 theo tài liệu Bản đồ địa chính 2002 không thể hiện là nhà, là đất trống. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận B không bồi thường là đúng chính sách.

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, qua đó ông L được tái định cư với tiêu chuẩn được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư tiêu chuẩn 100m² tại quỹ bố trí tái định cư của Khu đô thị M. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận B không hỗ trợ tạm cư cho ông L là đúng chính sách.

Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận B đã giải quyết bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L, qua đó không bồi thường diện tích công trình xây dựng tại ô số 1, 4, 9 và phần tường rào phía trước, phía sau và bên hông giáp với Đội hành chính Công an Q; không hỗ trợ tiền tạm cư (thuê nhà từ khi giao mặt bằng đến nay) là đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 1

Nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định 3786/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 là đúng quy định. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Căn nhà số : B B, tổ A, khu phố A, phường B, Quận B có diện tích giải tỏa: 237,35m² thuộc một phần thửa 248, tờ bản đồ số 1(TL 299/TTg) nay thuộc một phần thửa số 13 và một phần hẻm, tờ bản đồ số 42 (tài liệu BĐĐC năm 2002) do ông Nguyễn Văn L là chủ sử dụng thuộc quy hoạch Khu đô thị M theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. (Hiện trạng giải tỏa: Toàn bộ).

Theo Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 142/UBND-XN ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường B:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Phần đất thuộc căn nhà số B B, tổ A, khu phố A, phường B, Quận B (theo kê khai nhà, đất năm 1999) có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Đ chiếm dụng đất công (thuộc hướng Nam, giáp ranh Đội cảnh sát quản lý Hành chính thuộc Công an Q) và sử dụng vào năm 1991. Khoảng năm 1995, ông Đ cho lại con là Nguyễn Văn L toàn bộ diện tích đất nêu trên và sử dụng để ở.

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 28/9/2017 được cán bộ Địa chính – Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân phường B kiểm tra ngày 24/11/2017 với tổng diện tích khuôn viên là 237,35m². Cụ thể như sau: Diện tích 7,16m² nằm trên hẻm (tài liệu BĐĐC năm 2002); Diện tích 230,19m² do ông Nguyễn Văn Đ chiếm dụng đất công và sử dụng vào năm 1991 (phần đất này nằm bên hông căn nhà B, thuộc hướng Nam, giáp ranh Đội cảnh sát quản lý Hành chính thuộc Công an quận Q). Khoảng năm 1995, ông Nguyễn Văn Đ cho lại con là Nguyễn Văn L toàn bộ phần đất nêu trên và sử dụng để ở (theo cuộc họp thẩm định ngày 29/5/2013 của Ủy ban nhân dân phường B) đến khi di dời.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà: Có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Đ tạo lập vào khoảng năm 1992 sử dụng để ở và kinh doanh. Khoảng năm 1995 ông Đ cho lại con là Nguyễn Văn L toàn bộ diện tích đất nêu trên và sử dụng để ở. Đầu năm 2008, xây dựng lại toàn bộ căn nhà và sử dụng để ở đến khi di dời. Theo bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 28/9/2017 được cán bộ Địa chính – Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân phường B kiểm tra ngày 24/11/2017 với tổng diện tích xây dựng là 182,64m². Qua kiểm tra hồ sơ và theo cuộc họp thẩm định của Ủy ban nhân dân phường B ngày 25/12/2009 và ngày 29/5/2013 thì toàn bộ phần diện tích nhà 182,64m² được xây dựng lại vào các thời điểm như sau: Diện tích nhà 39,69m² (một phần ô số 2 (18m²) và ô số 3, 5) tạo lập vào năm 1992. Đến năm 2008, xây dựng lại (bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 của Ủy ban nhân dân phường B về lĩnh vực xây dựng); Diện tích nhà 40,2m² (ô số 6, 7, 8 và 10) xây dựng sau năm 2002. Diện tích nhà 102,75m² (một phần ô số 2) xây dựng năm 2008 (bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 của Ủy ban nhân dân phường B về lĩnh vực xây dựng).

Ngày 23/01/2018, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị M lập Bảng chiết tính số 821/BA đối với ông Nguyễn Văn L, kết luận: 1. Trường hợp chọn phương thức tái định cư: Tổng số tiền được nhận là: 114.005.600 đồng. Được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là: 100,00m². *(Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định)*. 2. Trường hợp chọn phương thức nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư (không đăng ký tái định cư): Tổng số tiền được nhận là: 1.714.000.600 đồng.

Ngày 30/01/2018, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L với tổng số tiền là 114.005.600 đồng. Về tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là: 100,00m². Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định.

Ông Nguyễn Văn L không đồng ý với Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 nên khiếu nại quyết định trên.

Ngày 22/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1218/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, cụ thể: “Điều 1. Sửa đổi 1 phần nội dung Điều 1 Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B.

Điều 2. Công nhận phần tường rào phía sau và bên hông dài 123,45m² (29,68m x 3m) + (6,79 m x 3 m) + (4,68 m x 3 m) có thời điểm xây dựng từ năm 1991.

- Giao Ban Bồi thường quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận:

+ Điều chỉnh Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B theo hướng giải quyết bồi thường phần tường rào phía sau và

bên hông dài 123,45m² (29,68m x 3m) + (6,79m x 3m) + (4,68m x 3m) có thời điểm xây dựng từ năm 1991; điều chỉnh lại sổ chứng minh nhân dân và địa chỉ thường trú của ông Nguyễn Văn L.

+ Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường B hướng dẫn ông L ký biên bản bàn giao mặt bằng để tham mưu Ủy ban nhân dân quận Quyết định thưởng cho ông Nguyễn Văn L do chấp hành tốt chủ trương.

- Không công nhận việc ông L yêu cầu bồi thường công trình xây dựng diện tích thuộc ô số 1, 4, 9; phần tường rào gắn cổng sắt và hỗ trợ tiền tạm cư (thuê nhà từ khi giao mặt bằng đến nay).

- Các nội dung khác của Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B không thay đổi”.

Ngày 06/6/2019, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 2004/QĐ-UBND: Điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L có căn nhà 27Bis, tổ A, khu phố A, phường B, Quận B bị giải tỏa thuộc quy hoạch xây dựng Khu đô thị M, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là 127.832.000 đồng. Về tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là: 100m². Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định. (Đính kèm bảng chiết tính điều chỉnh số 821/BA-ĐC Ngày 03/5/2019.

Ngày 06/6/2019, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 2005/QĐ-UBND về việc thưởng do chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường đối với ông Nguyễn Văn L với số tiền là 5.000.000 đồng.

Như vậy, Quyết định 2004/QĐ-UBND và Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 06/6/2019: Là thực hiện theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L.

Ông Nguyễn Văn L tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 06/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3786/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, với nội dung: “Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, là đúng chính sách”.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T xác định các Quyết định nêu trên đối với ông Nguyễn Văn L là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1878/2022/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L.

Hủy các quyết định: Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định số 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 14/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T); Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 và Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố T nộp Đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Hoàng Anh T1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Ngày 13/10/2022, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, nhưng do người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố T xin xét xử vắng mặt, ngày 08/11/2022 Ủy ban nhân dân thành phố T nhận được bản án sơ thẩm (Bút lục 50). Ngày 21 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố T nộp Đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, là trong hạn luật định, hợp lệ.

* Về nội dung:

[2]. Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L; Quyết định số: 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L; Quyết định số: 3786/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L; Quyết định số: 2004/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T). Xét về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Tuy nhiên, xét về nội dung của các quyết định hành chính trên, thấy rằng:

Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu Đô thị M; Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư; Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại; Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung; Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về bồi thường hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M và các khu phục vụ tái định cư tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh: Đây là quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M và các khu phục vụ tái định cư tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2012, Ủy ban nhân dân Quận B đã thu hồi giải tỏa trắng diện tích 237,35m² nhà số B B, Tổ A, Khu phố A, phường B, Quận B (thuộc một phần thửa 248, tờ bản đồ số 1, tài liệu bản đồ 299/TTg xã A, huyện T, nay là thuộc một phần thửa số 13 và một phần hẻm, tờ bản đồ số 42 tài liệu BĐĐC năm 2002) của ông Nguyễn Văn L để thực hiện Dự án quy hoạch xây dựng Khu Đô thị M và các khu phục vụ tái định cư tại Quận B. Nhưng tại thời điểm thu hồi năm 2012, Ủy ban nhân dân Quận B không thực hiện việc bồi thường cho ông Nguyễn Văn L, theo Quyết định số 7925/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân Quận B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông Nguyễn Văn Đ1 (Đại diện các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S1 đã chết), nên ông Đ1 đã khởi kiện hành chính. Tại Bản án số 07/2016/HC-ST ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2 và Công văn số 216/TAQ2 ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, về việc giải thích bản án đã xác định: *“Phần nhà đất có diện tích 230,19 còn lại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo chứng cứ có trong hồ sơ là của ông Nguyễn Văn L sử dụng. Do đó, Ủy ban lập hồ sơ bồi thường nhà, đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn L theo quy định pháp luật”*.

Như vậy, việc chậm thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Văn L là do Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T).

[4]. Căn cứ Khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004: *“Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”*. Căn cứ vào quy định này Ủy ban nhân dân Quận B phải căn cứ vào Quyết định số 51/2014/QĐ-UB ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ

Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 để giải quyết bồi thường cho ông Nguyễn Văn L. Nhưng Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để ban hành Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L là trái pháp luật.

[5]. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L nhưng không có căn cứ nào mới nên không được chấp nhận.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là không có căn cứ chấp nhận.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[10]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 1878/2022/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L.

- Hủy Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn L;

- Hủy Quyết định số: 1218/QĐ-UBND-TTr ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L;

- Hủy Quyết định số: 3786/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L;

- Hủy Quyết định số: 2004/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) về giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số: 281/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện lại nhiệm vụ, công vụ về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Ủy ban nhân dân thành phố T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0003759 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (ĐTTB).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương

